

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy chứng nhận

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY

- Căn cứ Giấy phép số 16/2016 do Sở Khoa học và công nghệ TP Đà Nẵng cấp ngày 19/10/2016;
- Căn cứ thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-BVTV ngày 27 tháng 01 năm 2016 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc Chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy;
- Căn cứ Quy định QĐ.01 ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Trung tâm giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert về quy định nội dung, thủ tục chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy;
- Căn cứ báo cáo của đoàn đánh giá và kết quả thẩm tra hồ sơ chứng nhận;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận và dấu chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật do Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn gia công, sang chai đóng gói và phân phối phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn theo quy định tại thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Mã số giấy chứng nhận: **17.1832-HQ5**

(Thông tin chi tiết sản phẩm theo danh mục đính kèm)

Địa chỉ trụ sở: Nguyễn Văn Quỳ, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ gia công: Xí nghiệp Bảo vệ Thực vật Sài Gòn. Lô C1 và C3, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 2. Khi thực hiện phân phối sản phẩm trên ra thị trường, Công ty Cổ phần BVTV Sài Gòn phải thực hiện đúng các quy định quyền và trách nhiệm theo quy định của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 15/11/2020 và đơn vị sẽ chịu giám sát định kỳ vào các ngày 15/10/2018 và 15/10/2019 hoặc đột xuất khi cần để duy trì hiệu lực của quyết định. Nếu không có văn bản thông báo tiếp tục duy trì hiệu lực giấy chứng nhận định kỳ hằng năm từ VietCert, quyết định này mặc nhiên sẽ hết hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như điều 1
- Lưu VT, PKT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Chí Linh

**DANH MỤC SẢN PHẨM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN
PHÙ HỢP QUY CHUẨN VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3830/QĐ-VC ngày 16 tháng 11 năm 2017 và giấy chứng nhận số 17.1832-HQ5)

TT	Thông tin sản phẩm		Tiêu chuẩn áp dụng	Mã số sản phẩm
1	Tên thương phẩm:	Aquinhos 40 EC	TC 01/2003-CL	17.1832- M01
	Hàm lượng hoạt chất:	Quinalphos 400 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Việt Nam		
2	Tên thương phẩm:	Bascide 50 EC	TCVN 8983:2011	17.1832- M02
	Hàm lượng hoạt chất:	Fenobucarb 50% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
3	Tên thương phẩm:	Bosago 12 AB	TCVN 8050:2016	17.1832- M03
	Hàm lượng hoạt chất:	Metaldehyde 12% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
4	Tên thương phẩm:	Brimgold 200 WP	TCVN 8050:2016	17.1832- M04
	Hàm lượng hoạt chất:	Dinotefuran 50 g/kg Imidacloprid 150 g/kg		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
5	Tên thương phẩm:	Butyl 10 WP	TCVN 9477:2012	17.1832- M05
	Hàm lượng hoạt chất:	Buprofezin 10% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
6	Tên thương phẩm:	Butyl 400 SC	TCVN 9477:2012	17.1832- M06
	Hàm lượng hoạt chất:	Buprofezin 400 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
7	Tên thương phẩm:	Comda 250 EC	TCVN 8050:2016	17.1832- M07
	Hàm lượng hoạt chất:	Emamectin benzoate 5 g/l Petroleum spray oil 245 g/l		

	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
8	Tên thương phẩm:	Comda gold 5 WG	TCCS 66:2013/BVTV	17.1832-M08
	Hàm lượng hoạt chất:	Emamectin benzoate 5% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
9	Tên thương phẩm:	Diaphos 10 GR	TCVN 9483:2012	17.1832-M09
	Hàm lượng hoạt chất:	Diazinon 10% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
10	Tên thương phẩm:	Diaphos 50 EC	TCVN 9483:2012	17.1832-M10
	Hàm lượng hoạt chất:	Diazinon 50% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
11	Tên thương phẩm:	Dioto 250 EC	TC 05/CL:2005	17.1832-M11
	Hàm lượng hoạt chất:	Niclosamide 250 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
12	Tên thương phẩm:	Dioto 830 WG	TCCS 342:2015/BVTV	17.1832-M12
	Hàm lượng hoạt chất:	Niclosamide olamine 830 g/kg		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
13	Tên thương phẩm:	Gà nòi 95 SP	TCVN 8380:2010	17.1832-M13
	Hàm lượng hoạt chất:	Cartap 95% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
14	Tên thương phẩm:	Lancer 50 SP	TCCS 228:2014/BVTV	17.1832-M14
	Hàm lượng hoạt chất:	Acephate 50% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty TNHH UPL Việt Nam		
15	Tên thương phẩm:	Netoxin 90 WP	TCVN 8050:2016	17.1832-M15
	Hàm lượng hoạt chất:	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 90% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
16	Tên thương phẩm:	Roninda 100 SL	TC: 08/2001-CL	17.1832-M16
	Hàm lượng hoạt chất:	Cyromazine 100 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		

17	Tên thương phẩm:	Sago-Super 20 EC	TCVN 8050:2016	17.1832- M17
	Hàm lượng hoạt chất:	Chlorpyrifos Methyl 20% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
18	Tên thương phẩm:	Sago-Super 3 GR	TCVN 8050:2016	17.1832- M18
	Hàm lượng hoạt chất:	Chlorpyrifos Methyl 3% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
19	Tên thương phẩm:	Saimida 100 SL	TCCS 07:2006	17.1832- M19
	Hàm lượng hoạt chất:	Imidacloprid 100 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
20	Tên thương phẩm:	Sairifos 585 EC	TCVN 8050:2016	17.1832- M20
	Hàm lượng hoạt chất:	Chlorpyrifos Ethyl 530 g/l Cypermethrin 55 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
21	Tên thương phẩm:	Saliphos 35 EC	TC: 77-97-CL	17.1832- M21
	Hàm lượng hoạt chất:	Phosalone 35% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
22	Tên thương phẩm:	Sapen - Alpha 5 EC	TCVN 8752:2014	17.1832- M22
	Hàm lượng hoạt chất:	Alpha-cypermethrin 50 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
23	Tên thương phẩm:	Sargent 6 GR	TCCS 30:2011/BVTV	17.1832- M23
	Hàm lượng hoạt chất:	Chlorpyrifos Ethyl 6% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
24	Tên thương phẩm:	Saromite 57 EC	TCVN 9479:2012	17.1832- M24
	Hàm lượng hoạt chất:	Propargite 570 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
25	Tên thương phẩm:	Schezgold 500 WG	TCCS 13:2010/BVTV	17.1832- M25
	Hàm lượng hoạt chất:	Pymetrozine 500 g/kg		
	Đơn vị đăng ký	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ		

26	Tên thương phẩm:	SecSaigon 10 EC	TCCS 06:2006	17.1832-M26
	Hàm lượng hoạt chất:	Cypermethrin 10% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
27	Tên thương phẩm:	SecSaigon 25 EC	TCCS 06:2006	17.1832-M27
	Hàm lượng hoạt chất:	Cypermethrin 25% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
28	Tên thương phẩm:	SecSaigon 5 EC	TCCS 06:2006	17.1832-M28
	Hàm lượng hoạt chất:	Cypermethrin 5% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
29	Tên thương phẩm:	SecSaigon 50 EC	TCCS 06:2006	17.1832-M29
	Hàm lượng hoạt chất:	Cypermethrin 500 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
30	Tên thương phẩm:	Sếu đỏ 3 EC	TC 07/2001-CL	17.1832-M30
	Hàm lượng hoạt chất:	Acetamiprid 30 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
31	Tên thương phẩm:	SK Enspray 99 EC	TCVN 8050:2016	17.1832-M31
	Hàm lượng hoạt chất:	Petroleum spray oil 99% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
32	Tên thương phẩm:	Alpine 80 WG	TCVN 10985:2016	17.1832-M32
	Hàm lượng hoạt chất:	Fosetyl-aluminium 80% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
33	Tên thương phẩm:	Bendazol 50 WP	TCCS 197:2014/BVTV	17.1832-M33
	Hàm lượng hoạt chất:	Benomyl 50% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		

34	Tên thương phẩm:	Carbenzim 50 WP	TC 10/CL:2007	17.1832-M34
	Hàm lượng hoạt chất:	Carbendazim 50% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
35	Tên thương phẩm:	Carbenzim 500 FL	TC 10/CL:2007	17.1832-M35
	Hàm lượng hoạt chất:	Carbendazim 500 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
36	Tên thương phẩm:	Dipomate 430 SC	TCCS 2:2009/BVTV	17.1832-M36
	Hàm lượng hoạt chất:	Mancozeb 430 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
37	Tên thương phẩm:	Dipomate 80 WP	TCCS 2:2009/BVTV	17.1832-M37
	Hàm lượng hoạt chất:	Mancozeb 80% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
38	Tên thương phẩm:	Hạt vàng 250 SC	TCVN 8050:2016	17.1832-M38
	Hàm lượng hoạt chất:	Iprodione 250 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
39	Tên thương phẩm:	Kisaigon 10 GR	TCCS 231:2014/BVTV	17.1832-M39
	Hàm lượng hoạt chất:	Iprobenfos 100 g/kg		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
40	Tên thương phẩm:	Kisaigon 50 EC	TCCS 231:2014/BVTV	17.1832-M40
	Hàm lượng hoạt chất:	Iprobenfos 50% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
41	Tên thương phẩm:	Lúa Vàng 20 WP	TCVN 8050:2016	17.1832-M41
	Hàm lượng hoạt chất:	Iprobenfos 14% w/w Tricyclazole 6% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		

42	Tên thương phẩm:	Lunasa 25 EC	TCCS 22:2011/BVTV	17.1832- M42
	Hàm lượng hoạt chất:	Propiconazole 250 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
43	Tên thương phẩm:	Luster 250 SC	TCVN 9481:2012	17.1832- M43
	Hàm lượng hoạt chất:	Pencycuron 250 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
44	Tên thương phẩm:	Mexyl MZ 72 WP	TCVN 8050:2016	17.1832- M44
	Hàm lượng hoạt chất:	Metalaxyl 8% w/w Mancozeb 64% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
45	Tên thương phẩm:	Pysaigon 50 WP	TCVN 8050:2016	17.1832- M45
	Hàm lượng hoạt chất:	Thiophanate Methyl 36 % w/w Tricyclazole 14% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
46	Tên thương phẩm:	Sagograin 300 EC	TCVN 8050:2016	17.1832- M46
	Hàm lượng hoạt chất:	Difenoconazole 150 g/l Propiconazole 150 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
47	Tên thương phẩm:	Saipan 2 SL	TCCS 21:2011/BVTV	17.1832- M47
	Hàm lượng hoạt chất:	Kasugamycin 2% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
48	Tên thương phẩm:	Saipora 350 SC	TCVN 8050:2016	17.1832- M48
	Hàm lượng hoạt chất:	Carbendazim 300 g/l Hexaconazole 50 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
49	Tên thương phẩm:	Saizole 5 SC	TCVN 8381:2010	17.1832- M49
	Hàm lượng hoạt chất:	Hexaconazole 50 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		



50	Tên thương phẩm:	Sulox 80 WP	TCVN 8984:2011	17.1832- M50
	Hàm lượng hoạt chất:	Sulfur 80% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
51	Tên thương phẩm:	Thio - M 500 SC	TCVN 8751:2014	17.1832- M51
	Hàm lượng hoạt chất:	Thiophanate Methyl 500 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
52	Tên thương phẩm:	Treppach Bul 607 SL	TCCS 350:2015/BVTV	17.1832- M52
	Hàm lượng hoạt chất:	Propamocarb hydrochloride 607 g/l (tương đương với 722 g/l Propamocarb. HCL)		
	Đơn vị đăng ký	Agria S.A		
53	Tên thương phẩm:	Trizole 75 WG	TCVN 8050:2016	17.1832- M53
	Hàm lượng hoạt chất:	Tricyclazole 75% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
54	Tên thương phẩm:	Trizole 75 WP	TC: 08/2002-CL	17.1832- M54
	Hàm lượng hoạt chất:	Tricyclazole 75% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
55	Tên thương phẩm:	Vanicide 3 SL	TCCS 217:2014/BVTV	17.1832- M55
	Hàm lượng hoạt chất:	Validamycin 3% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
56	Tên thương phẩm:	Vanicide 5 SL	TCCS 217:2014/BVTV	17.1832- M56
	Hàm lượng hoạt chất:	Validamycin 5% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
57	Tên thương phẩm:	Zin 80 WP	TCVN 9478:2012	17.1832- M57
	Hàm lượng hoạt chất:	Zineb 80% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		

HOC
TRUNG
GIAM
A CHI
P CHI
VII
ANH

58	Tên thương phẩm:	Zineb Bul 80 WP	TCVN 9478:2012	17.1832- M58
	Hàm lượng hoạt chất:	Zineb 80% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Agria S.A		
59	Tên thương phẩm:	Ansaron 80 WP	TC 96/98-CL	17.1832- M59
	Hàm lượng hoạt chất:	Duiron 80% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
60	Tên thương phẩm:	Bé bụ 30 WP	TCVN 8050:2016	17.1832- M60
	Hàm lượng hoạt chất:	Butachlor 28.5% w/w Bensulfuron Methyl 1.5% w/w (Chất an toàn Fenclorim 10% w/w)		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
61	Tên thương phẩm:	Beron 10 WP	TCVN 10979:2016	17.1832- M61
	Hàm lượng hoạt chất:	Bensulfuron Methyl 10% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
62	Tên thương phẩm:	Beto 14 WP	TCVN 8050:2016	17.1832- M62
	Hàm lượng hoạt chất:	Acetochlor 12% w/w Bensulfuron Methyl 2% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
63	Tên thương phẩm:	Butoxim 5 GR	TCCS 08:2006	17.1832- M63
	Hàm lượng hoạt chất:	Butachlor 50 g/kg		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
64	Tên thương phẩm:	Butoxim 60 EC	TCCS 08:2006	17.1832- M64
	Hàm lượng hoạt chất:	Butachlor 600 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
65	Tên thương phẩm:	Fasfix 150 SL	TCVN 8050:2016	17.1832- M65
	Hàm lượng hoạt chất:	Glufosinate Ammonium 150 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		

66	Tên thương phẩm:	Gardon 27.6 SL	TCVN 8050:2016	17.1832- M66
	Hàm lượng hoạt chất:	Glyphosate IPA Salt 13.8% w/w 2,4-D 13.8% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
67	Tên thương phẩm:	Lyphoxim 396 SL	TCCS 1:2009/BVTV	17.1832- M67
	Hàm lượng hoạt chất:	Glyphosate Isopropylamine salt 396 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
68	Tên thương phẩm:	Lyphoxim 41 SL	TCCS 1:2009/BVTV	17.1832- M68
	Hàm lượng hoạt chất:	Glyphosate Isopropylamine salt 41% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
69	Tên thương phẩm:	Lyphoxim 75.7 WG	TCCS 1:2009/BVTV	17.1832- M69
	Hàm lượng hoạt chất:	Glyphosate IPA Salt 75.7% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
70	Tên thương phẩm:	Mizin 50 WP	TCVN 10161:2013	17.1832- M70
	Hàm lượng hoạt chất:	Atrazine 50% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
71	Tên thương phẩm:	Mizin 80 WP	TCVN 10161:2013	17.1832- M71
	Hàm lượng hoạt chất:	Atrazine 80% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
72	Tên thương phẩm:	Pataxim 55 EC	TCVN 8050:2016	17.1832- M72
	Hàm lượng hoạt chất:	Butachlor 27.5% w/w Propanil 27.5% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
73	Tên thương phẩm:	Pyanchor 3 EC	TCCS 03:2006	17.1832- M73
	Hàm lượng hoạt chất:	Pyribenzoxim 30 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
74	Tên thương phẩm:	Pyanchor 5 EC	TCCS 03:2006	17.1832- M74
	Hàm lượng hoạt chất:	Pyribenzoxim 50 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		

75	Tên thương phẩm:	Pyan-Plus 5.8 EC	TCVN 8050:2016	17.1832- M75
	Hàm lượng hoạt chất:	Pyribenzoxim 50 g/l Fenoxaprop-P-Ethyl 8 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
76	Tên thương phẩm:	Saicoba 500 EC	TC: 08/2003-CL	17.1832- M76
	Hàm lượng hoạt chất:	Acetochlor 500 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
77	Tên thương phẩm:	Saicoba 800 EC	TC: 08/2003-CL	17.1832- M77
	Hàm lượng hoạt chất:	Acetochlor 800 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
78	Tên thương phẩm:	Star 10 WP	TCCS 32:2011/BVTV	17.1832- M78
	Hàm lượng hoạt chất:	Pyrazosulfuron Ethyl 10% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
79	Tên thương phẩm:	Zico 48 SL	TCVN 8050:2016	17.1832- M79
	Hàm lượng hoạt chất:	2,4 D-Dimethylamonium 48% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
80	Tên thương phẩm:	Zico 720 SL	TCVN 8050:2016	17.1832- M80
	Hàm lượng hoạt chất:	2,4 D-Dimethylamonium 720 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
81	Tên thương phẩm:	Zico 80 WP	TCVN 8050:2016	17.1832- M81
	Hàm lượng hoạt chất:	2.4 D 80% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
82	Tên thương phẩm:	Zico 850 SL	TCVN 8050:2016	17.1832- M82
	Hàm lượng hoạt chất:	2,4 D-Dimethylamonium 850 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
83	Tên thương phẩm:	Zico 96 WP	TCVN 8050:2016	17.1832- M83
	Hàm lượng hoạt chất:	2,4 D-sodium 96% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		

84	Tên thương phẩm:	Venus 300 EC	TCVN 8050:2016	17.1832- M84
	Hàm lượng hoạt chất:	Pretilachlor 300 g/l (Chất an toàn Fenclorim 100 g/l)		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
85	Tên thương phẩm:	Sai-one 15 EC	TC: 01/2001-CL	17.1832- M85
	Hàm lượng hoạt chất:	Fluazifop-P-Butyl 150 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
86	Tên thương phẩm:	Trizole 400 SC	TCVN 8050:2016	17.1832- M86
	Hàm lượng hoạt chất:	Tricyclazole 400 g/l		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		
87	Tên thương phẩm:	Pyanchor gold 8.5 EC	TCVN 8050:2016	17.1832- M87
	Hàm lượng hoạt chất:	Cyhalofop-butyl 6% w/w Pyribenzoxim 2.5% w/w		
	Đơn vị đăng ký	Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn		

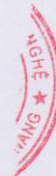
Ngày hiệu lực/Authorized: 16.11.2017

Ngày hết hạn/Expires: 15.11.2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Chí Linh





CERTIFICATE

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: 17.1832-HQ5

Chứng nhận sản phẩm:

THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

(Xem chi tiết danh mục sản phẩm kèm theo)

Đơn vị gia công, sang chai và phân phối:

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT
SÀI GÒN**

Địa chỉ:

Nguyễn Văn Quỳ, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

Được Trung tâm Giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn theo quy định tại Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Và được phép sử dụng dấu hợp quy của VietCert



Phương thức chứng nhận: phương thức 5

(Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

KT. Giám đốc

PG. Giám đốc



Lương Chí Linh

Ngày hiệu lực: 16.11.2017

Ngày hết hạn: 15.11.2020